Số: 3084/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-07-22T11:23:54+07:00

PHỤ LỤC 1A

ĐĂNG KÝ DANH MỤC THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ GTNT NĂM 2026 THUỘC 77 XÃ, PHƯỜNG PHÍA TÂY TỈNH GIA LAI
(PHẦN: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GTNT)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
1	**PHƯỜNG AN BÌNH**			**10,605**	**-**	**10,605**	**-**	**-**	
1.1	***Đường đô thị (đường ngõ, kiệt, hẻm)***								
	Trần Quốc Toản	Trường Trần Quốc Toản	Ngã 3	0,300	-	0,300	-	-	
	Đào Duy Từ	Quang Trung	Cuối đường	0,600	-	0,600	-	-	
	Hẻm Lê Thị Hồng Gấm (gần cống lỡ) đoạn nối tiếp ngã 3 hẻm từ nhà ông Hòa đến nhà bà Vy Thơ	Nhà ông Hòa	Nhà bà Vy Thơ	0,480	-	0,480	-	-	
	Hẻm khu dân cư Cầu suối Công nối tiếp từ cầu suối Công đến nhà ông Ba Đào	Từ cầu suối Công	Nhà ông Ba Đào	0,260	-	0,260	-	-	
	Hẻm 18 Lý Thường Kiệt (Nhà ông Đào Kim Phong đến sau lưng chợ Đồn)	Nhà ông Đào Kim Phong	Sau lưng chợ Đồn	0,400	-	0,400	-	-	
	Hẻm Đặng Thai Mai đi lò gạch cũ (Giáp ngã 3 đường Đặng Thai Mai đến Nhà ông 4 Định)	Giáp ngã 3 đường Đặng Thai Mai	Nhà ông 4 Định	0,480	-	0,480	-	-	
	Hẻm Lê Thị Hồng Gấm (Nhà bà Lý tới nhà ông Châu)	Nhà bà Lý	Nhà ông Châu	0,480	-	0,480	-	-	
	Hẻm 282 Lê Lợi (đường vào TDP 6 cũ)	Đường Lê Lợi	Trụ sở TDP 6 cũ	0,450	-	0,450	-	-	
1.2	***Đường TDP Tân Phong***								
	Từ nhà Ông 9 Võ đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Nhà Ông 9 Võ	Nhà bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	0,300	-	0,300	-	-	
	Từ nhà ông Đào Minh Hòa đến nhà ông Tào Văn Sâm	Nhà ông Đào Minh Hòa	Nhà ông Tào Văn Sâm	0,030	-	0,030	-	-	
	Từ Nhà Bé con ông Huỳnh Lai đến nhà bà Hứa Thị Phong	Nhà Bé con ông Huỳnh Lai	Nhà bà Hứa Thị Phong	0,100	-	0,100	-	-	
	Từ Nhà ông Tô Dư đến giáp đường BTXM cây Me	Nhà ông Tô Dư	Giáp đường BTXM cây Me	0,700	-	0,700	-	-	
	Từ Nhà ông Nguyễn Thế Quân đến đất ông Phan Minh Thành	Nhà ông Nguyễn Thế Quân	Đất ông Phan Minh Thành	1,000	-	1,000	-	-	
	Từ Nhà văn hóa Tổ dân phố Tân Phong đến bàu ông Thiệu	Nhà văn hóa Tổ dân phố Tân Phong	Bàu ông Thiệu	0,400	-	0,400	-	-	
	Từ Nhà ông Tào Văn Cư đến đất bà Đinh Thị Nho	Nhà ông Tào Văn Cư	Đất bà Đinh Thị Nho	0,450	-	0,450	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Từ Trạm bơm bồng II đến trại ông Trịnh Hữu Phú	Từ Trạm bơm bồng II	Trại ông Trịnh Hữu Phú	0,250	-	0,250	-	-	
	Từ Nhà ông Huỳnh Tý đến đất ông Dũng Rụng	Từ Nhà ông Huỳnh Tý	Đất ông Dũng Rụng	2,500	-	2,500	-	-	
1.3	***Đường TDP Tân Tụ***								
	Từ TDP đi khu sản xuất Bến Nhàn, cây Ké	Từ TDP đi khu sản xuất Bến Nhàn	Cây Ké	0,670	-	0,670	-	-	
	Đường cấp phối nối dài từ TDP đi TDP 02	từ TDP	TDP 02	0,165		0,165	-	-	
1.4	***Đường TDP An Định***								
	Đường từ nhà ông Lê Việt Hùng đến nhà bà Lê Thị Mai	Nhà ông Lê Việt Hùng	Nhà bà Lê Thị Mai	0,077	-	0,077	-	-	
	Đường từ nhà Võ Thành Tâm đến nhà Trần Ngọc Linh	Nhà võ thành tâm	Nhà Trần Ngọc Linh	0,163	-	0,163	-	-	
	Đường từ nhà Trần Thị Tuyết đến nhà Lê thị Thành	Nhà Trần Thị Tuyết	Nhà Lê thị Thành	0,350	-	0,350	-	-	
2	**PHƯỜNG AN KHÊ**			**0,070**	**-**	**-**	**0,070**	**-**	
2.1	Đường hẻm Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường hẻm Quang Trung	0,070	-	-	0,070	-	
3	**PHƯỜNG AN PHÚ**			**5,653**	**3,628**	**2,025**	**-**	**-**	
3.1	***Tổ dân phố Chư ă***								
	Hẻm 21/40 Nguyễn Tuân từ nhà ông Ông Kim đế nhà Bà Tuyết	Nhà ông Ông Kim	Nhà Bà Tuyết	0,215	0,215	-	-	-	
	Hẻm 21 từ Nhà ông Đạt đến nhà Ông Năm	Nhà ông Đạt	Nhà Ông Năm	0,263	0,263	-	-	-	
3.2	***Tổ dân phố Đoàn Kết***								
	Hẻm 38/06 - An Dương Vương (Từ nhà ông Hồng đến nhà ông Đoàn, bà Cúc)	Nhà ông Hồng	Nhà ông Đoàn, bà Cúc	0,192	0,192	-	-	-	
3.3	***Tổ dân phố Âu Cơ***								
	Đường Ngang hẻm 42 Âu cơ đến đường Võ Văn Tần	Đường Ngang hẻm 42 Âu cơ	Đường Võ Văn Tần	0,090	0,090	-	-	-	
3.4	***Tổ dân phố Phú Thọ***								
	Đường từ nhà ông Độ đến nhà ông Đàn	Nhà ông Độ	Nhà ông Đàn	0,136	-	0,136	-	-	
	Đường Từ nhà bà Vân đến nhà ông Phước	Nhà bà Vân	Nhà ông Phước	0,085	-	0,085	-	-	
	Đường từ hội trường tổ 9 đến tổ 10	Hội trường tổ 9	Tổ 10	0,425	0,425	-	-	-	
	Đường từ nhà ông Uyển đến nhà ông Hòa	Nhà ông Uyển	Nhà ông Hòa	0,075	0,075	-	-	-	
	Đường từ nhà ông Sum đến nhà ông Bảy	Nhà ông Sum	Nhà ông Bảy	0,080	0,080	-	-	-	
	Đường nội đồng từ Nhà văn hóa 12 đến Nhà văn hóa TDP 9	Nhà văn hóa 12	Nhà văn hóa 9	0,200	0,200	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường từ nhà ông Minh đến nhà bà Kiều	Nhà ông Minh	Nhà bà Kiều	0,111	-	0,111	-	-	
	Đường từ nhà ông Vương đến nhà ông Trạng	Nhà ông Vương	Nhà ông Trạng	0,187	-	0,187	-	-	
3.5	***Tổ dân phố Nguyên Lợi***								
	Từ nhà ông Thanh đến nhà ông Thành	Nhà ông Thanh	Nhà ông Thành	0,136	-	0,136	-	-	
	Từ Hang đá đến nhà Bà Minh	Hang đá	Nhà Bà Minh	0,199	-	0,199	-	-	
	Từ đường làng đến nhà ông Huỳnh Hinh	Từ đường làng	Nhà ông Huỳnh Hinh	0,200	-	0,200	-	-	
	Đường từ nhà ông Thiển đến nhà ông Định	Nhà ông Thiển	Nhà ông Định	0,115	-	0,115	-	-	
	Đường từ nhà bà Trọng đến nhà ông Sinh	Nhà bà Trọng	Nhà ông Sinh	0,055	-	0,055	-	-	
	Đường từ nhà ông Hùng đến Đập nước	Nhà ông Hùng	Đập nước	0,084	-	0,084	-	-	
3.6	***Tổ dân phố An Mỹ***								
	Đường tư nhà bà Hồng đến vườn ông Tám	Nhà bà Hồng	Vườn ông Tám	0,210	0,210	-	-	-	
	Từ nhà ông Bắc đến vươn rau ông Vinh	Nhà Ông Bắc	Vườn ông Vinh	0,057	-	0,057	-	-	
3.7	***Làng Do - Guăh***								
	Công trình: Đường từ nhà Xê tới nhà Nghị	Nhà ông Xê	Nhà ông Nghị	0,397	0,397	-	-	-	
	Công trình: Đường từ nhà ông Nhung tới nhà Tân	Nhà ông Nhung	Nhà ông Tân	0,243	0,243	-	-	-	
3.8	***Làng Chuet***								
	Đường Hẻm Làng Chuet 1 từ Nhà ông Míu đến nhà ông Blui	Nhà ông Míu	Nhà ông Blui	0,165	-	0,165	-	-	
	Đường từ nhà ông Hưởng đến nhà bà H' Hưr	Nhà ông Hưởng	Nhà bà H' Hưr	0,140	0,140	-	-	-	
3.9	***Làng Bông Phun***								
	Công trình: Đường từ vườn ông Boi đến vườn ông Phương	Vườn ông Boi	Vườn ông Phương	0,720	0,720	-	-	-	
3.10	***Làng Mơ Nú***								
	Công trình: Đường từ nhà ông Núi tới Nghĩa Địa	Nhà ông Núi	Nghĩa Địa	0,068	-	0,068	-	-	
	Công trình: Đường từ nhà ông Y Khun đến ông Khiêm	Nhà Y Khun	Ông Khiêm	0,063	0,063	-	-	-	
3.12	***Làng Nha Prông***								
	Công trình đường từ nhà ông Dung đến nhà ông Mil	Nhà ông Dung	Nhà ông Mil	0,250	0,250	-	-	-	
3.13	***Làng Thung Dôr***								
	Đường giao thông nông thôn (từ nhà ông Phưng đến vườn ông Rmah Y Thành)	Nhà ông Phưng	Vườn ông Rmah Y Thành	0,300	-	0,300	-	-	
	Đường giao thông nông thôn (từ nhà ông Suông đến nhà ông Sôn)	Nhà ông Suông	Nhà ông Sôn	0,127	-	0,127	-	-	
3.14	***Làng Wâu - Kơ tu***								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Từ đám rẫy ông Thuih đến đám rẫy ông Yư	Từ rẫy ông Thuih	Đến rẫy ông Yư	0,065	0,065	-	-	-	
4	**PHƯỜNG AYUN PA**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
5	**PHƯỜNG DIÊN HỒNG**			**1,927**	**1,927**	**-**	**-**	**-**	
5.1	Đường hẻmTrần Nhật Duật, Tổ dân phố 1 Diên Phú, phường Diên Hồng	Trường Châu á thái Bình Dương	Khu dân cư phú An	0,168	0,168	-	-	-	
5.2	Đường hẻm 100 Trường Sa, tổ dân phố 3 Diên Phú, phường Diên Hồng	Nhà ông Toản	Giáp đường bê tông	0,200	0,200	-	-	-	
5.3	Đường hẻm 03 Hoàng Sa, tổ dân phố 7 Ia Kring, phường Diên Hồng	Nnhà ông Bảo	Nhà ông Nhuận	0,750	0,750	-	-	-	
5.4	Đường hẻm 115 Hoàng Sa, tổ dân phố 7, 10 Ia Kring, phường Diên Hồng	Đường Trần Nhật Duật	Nhà ông Tùng	0,330	0,330		-	-	
5.5	Hẻm 43 Trần Nhật Duật, Tổ dân phố 7 Ia Kring, phường Diên Hồng	Đường Trần Nhật Duật	Số nhà 63/116 Tuệ Tĩnh	0,077	0,077	-	-	-	
5.6	Hẻm 92 Trần Nhật Duật, tổ dân phố 7 Ia Kring, phường Diên Hồng	Đường Trần Nhật Duật	Hẻm 124/80 Trần Nhật Duật	0,274	0,274	-	-	-	
5.7	Hẻm nhánh hẻm 300 Nguyễn Văn Cừ, tổ dân phố 7 Diên Hồng, phường Diên Hồng	Nhà ông Liên	Cuối đường	0,128	0,128	-	-	-	
6	**PHƯỜNG HỘI PHÚ**			**1,742**	**1,742**	**-**	**-**	**-**	
6.1	***Tổ dân phố 5***								
	Hẻm 62 Lương Định Của và các hẻm nhánh của hẻm 07 Bế Văn Đàn	62 Lương Định Của	Cuối đường	0,212	0,212	-	-	-	
6.2	***Tổ dân phố 6***								
	Đường hẻm 31/66 Chu Mạnh Trinh (từ hẻm 66 Chu Mạnh Trinh đến cuối đường)	66 Chu Mạnh Trinh	Cuối đường	0,080	0,080	-	-	-	
6.3	***Tổ dân phố 4 Chi Lăng***								
	Đường hẻm tử nhà ông Phan Văn Đào đi cuối đường	Nhà ông Phan Văn Đào	Cuối đường	0,300	0,300	-	-	-	
6.4	***Tổ dân phố Ia Rôk***								
	Đường hẻm 1098 Võ Nguyên Giáp	1098 Võ Nguyên Giáp	Cuối đường	0,115	0,115	-	-	-	
6.5	***Làng Ngó***								
	Đường hẻm 67 Bà Huyện Thanh Quan (từ nhà 67/1 Bà Huyện Thanh Quan đến đường hẻm 220 Lê Duẩn)	Nhà 67/1 Bà Huyện Thanh Quan	Hẻm 220 Lê Duẩn	0,250	0,250	-	-	-	
	Đường hẻm làng Ngó (từ hẻm 220 Lê Duẩn nhà bà Uyên đến đường Bà Huyện Thanh Quan)	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Hẻm 220 Lê Duẩn (nhà bà Uyên)	0,250	0,250	-	-	-	
6.6	***Làng Ngol***								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường hẻm 131 Đặng Trần Côn (từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bi)	Nhà ông Dũng	Nhà ông Bi	0,120	0,120	-	-	-	
6.7	***Làng Chăm Anẻh***								
	Đường hẻm từ nhà ông SICH đến nhà bà H'DAI	Nhà ông SICH	Nhà bà H'DAI	0,150	0,150	-	-	-	
6.8	***Làng Ngol Tăh***								
	Đường hẻm từ nhà ông Kle đi giọt nước Ia Man	Nhà ông Kle	Giọt nước Ia Man	0,265	0,265	-	-	-	
7	**PHƯỜNG PLEIKU**			**0,371**	**0,290**	**0,081**	**-**	**-**	
7.1	***Tổ 1 Hoa Lư***								
	Hẻm nhánh của hẻm 178 Tôn Thất Thuyết	Hẻm 178 Tôn Thất Thuyết	Cuối hẻm	0,081	-	0,081	-	-	
7.2	***Tổ 2 Trà Đa***								
	Đường thôn 2 Trà Đa	Nhà ông Nhật	Cuối hẻm	0,200	0,200	-	-	-	
7.3	***Tổ 5 Trà Đa***								
	Đường hẻm Lý Thường Kiệt	Đường Lý Thường Kiệt	Cuối hẻm	0,090	0,090	-	-	-	
8	**PHƯỜNG THỐNG NHẤT**			**2,366**	**-**	**1,406**	**0,960**	**-**	
8.1	Hẻm 236/10 Phạm Văn Đồng	236/10 Phạm Văn Đồng	218/23 Phạm Văn Đồng	0,100	-	0,100	-	-	
8.2	Hẻm 36/35 Lê Đại Hành	36/35 Lê Đại Hành	Cuối hẻm	0,313	-	-	0,313	-	
8.3	Hẻm 36/19 Lê Đại Hành	36/19 Lê Đại Hành	Cuối hẻm	0,150	-	-	0,150	-	
8.4	Hẻm 50/01/30 Lê Đại Hành	50/01/30 Lê Đại Hành	Cuối hẻm	0,180	-	0,180	-	-	
8.5	Hẻm 126 Lê Đại Hành	126 Lê Đại Hành	Cuối hẻm	0,162	-	-	0,162	-	
8.6	Tuyến đường hẻm 181 Lê Đại Hành	Đường Lê Đại Hành	Cuối hẻm	0,167	-	0,167	-	-	
8.7	Tuyến đường 121/20 Lê Đại Hành	Đường hẻm 121 Lê Đại Hành	Nhà ông Tài - bà Sen	0,077	-	0,077	-	-	
8.8	Hẻm 121/26 Lê Đại Hành	Số nhà 121 Lê Đại Hành	Cuối hẻm	0,268	-	-	0,268	-	
8.9	Hẻm 771/7 Phạm Văn Đồng	771/7 Phạm Văn Đồng	Nguyễn Bỉnh Khiêm	0,067	-	-	0,067	-	
8.10	Hẻm 63 Hà Huy Tập (đến nhà ông Phúc giáp hẻm 46 Nguyễn Kiệm)	Nhà ông Phúc	Giáp hẻm 46 Nguyễn Kiệm	0,377	-	0,377	-	-	
8.11	Hẻm 347 Phạm Văn Đồng	347 Phạm Văn Đồng	Hẻm 383 Phạm Văn Đồng	0,505	-	0,505	-	-	
9	**XÃ AL BÁ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
10	**XÃ AYUN**			**7,000**	**-**	**7,000**	**-**	**-**	
10.1	Đường từ làng Bông Pim đi khu sản xuất	Giáp đường bê tông hiện trạng	Giáp khu sản xuất làng Bông Pim	3,000	-	3,000	-	-	
10.2	Đường ra khu sản xuất làng Đê Kjêng đoạn từ cổng phân trại giam K4 đến đập Thông Ba La	Giáp đường đất hiện trạng	Giáp đập Thông Ba La	4,000	-	4,000	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
11	**XÃ BÀU CẠN**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
12	**XÃ BIỂN HỒ**			**5,520**	**-**	**5,520**	**-**	**-**	
12.1	Đường giao thông nông thôn làng Weh	Sân bóng	Điểm cuối nhà bà Ngler làng Chúp	1,300	-	1,300	-	-	
12.2	Đường giao thông nông thôn làng Ring Rai	Nhà ông Hmơ	Nhà ông Yúi	1,200	-	1,200	-	-	
12.3	Đường giao thông nông thôn làng Bông	Nhà ông Hmet; tỉnh lộ 671	Nhà ông Leh; sân bóng Làng Bông	0,920	-	0,920	-	-	
12.4	Đường giao thông nông thôn làng Ia Mút	Nhà ông Hmiu	Nhà ông Djưl	0,900	-	0,900	-	-	
12.5	Đường giao thông nông thôn làng Hol	Dốc Ia Mút	Nhà ông Phiên	1,200	-	1,200	-	-	
13	**XÃ BỜ NGOONG**			**4,000**	**-**	**4,000**	**-**	**-**	
13.1	***Làng Hlu***								
	Tuyến 1	Nhà Ông Bull	Nhà Ông Jil	0,400	-	0,400	-	-	
	Tuyến 2	Nhà Ông Grit	Nhà Ông Lên	0,500	-	0,500	-	-	
	Tuyến 3	Nhà Phạm đình Quang	Nhà Phạm Thị Xuân	0,500	-	0,500	-	-	
13.2	***Làng Khối Zố***								
	Tuyến 4	Trường mẫu giáo	Nhà Tiu	0,600	-	0,600	-	-	
13.3	***Làng T'Drah***								
	Tuyến 1	Nhà Ông Thôn	Nhà Ông Ba Khanh	0,600	-	0,600	-	-	
	Tuyến 2	Nhà Ông Jik	Nhà ông Gêng	0,600	-	0,600	-	-	
	Tuyến 3	Nhà Bà Chuh	Nhà Khih	0,300	-	0,300	-	-	
	Tuyến 4	Nhà ông Quyh	Nhà ông Hyan	0,300	-	0,300	-	-	
	Tuyến 5	Nhà ông Đim	Nhà ông Gà	0,200	-	0,200	-	-	
14	**XÃ CHƠ LONG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
15	**XÃ CHƯ A THAI**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
16	**XÃ CHƯ KREY**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
17	**XÃ CHƯ PĂH**			**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
18	**XÃ CHƯ PRÔNG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
19	**XÃ CHƯ PƯH**			**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
20	**XÃ CHƯ SÊ**			**3,010**	**-**	**3,010**	**-**	**-**	
20.1	Đường xương cá, Thôn Đoàn Kết	Nhà Ngô Văn Hiệu	Nhà Nguyễn Thị Mai	0,120	-	0,120	-	-	
20.2	Đường xương cá, Thôn Đoàn Kết	Nhà Hà Thị Thủy Huệ	Nhà Trần Quốc Dũng	0,400	-	0,400	-	-	
20.3	Đương trục chính, nội đồng, làng Pan	Nhà ông Nguyễn Quân Sự	nhà ông Huynh	0,350	-	0,350	-	-	
20.4	Đường trục chính thôn Dun Bêu	Nhà ông Huỳnh Thanh Hồng	Nhà ông Bùi Viết Trí	0,310	-	0,310	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
20.5	Đường xóm, thôn Mỹ thạch 1	Giáp đất ông Phạm Văn Cảnh	Giáp đất ông Trần Đình Toàn	1,500	-	1,500	-	-	
20.6	Đường xương cá, làng Ngo Ser - Glan	Rmah Luih	Kpuih Kra	0,330	-	0,330	-	-	
21	**XÃ CỬU AN**			**1,875**	**-**	**1,580**	**0,295**	**-**	
21.1	***Thôn Cửu Đạo***								
	Tuyến đường ngõ xóm Cửu Đạo (tỉnh lộ 669 nhà ông Hải đến KDC suối Dứa)	Tỉnh lộ 669	Khu dân cư	0,260	-	0,260	-	-	
	Tuyến đường ngõ xóm Cửu Đạo (tỉnh lộ 669 nhà văn hóa thôn đến hết khu dân cư)	Tỉnh lộ 669	Khu dân cư	0,090	-	0,090	-	-	
	Tuyến đường ngõ xóm Cửu Đạo (từ nhà ông Nguyễn Thành Trung đến nhà bà Trương Thị Hải)	Nhà ông Nguyễn Thành Trung	Nhà bà Trương Thị Hải	0,140	-	0,140	-	-	
	Tuyến đường ngõ xóm Cửu Đạo (từ nhà ông Võ Văn Ngạch đến nhà ông Võ Văn Hiệu)	Nhà ôngVõ Văn Ngạch	Nhà ông Võ Văn Hiệu	0,110	-	0,110	-	-	
	Tuyến đường ngõ xóm Cửu Đạo (từ nhà ông Hoàng đến bàu Rộc Tảo)	Nhà ông Hoàng	Bàu Rộc Tảo	0,080	-	0,080	-	-	
21.2	***Thôn An Điền Bắc***								
	Tuyến đường từ ngã tư đường Lâm nghiệp tiếp giáp đường nội đồng Bàu Làng	Đường Lâm nghiệp	Đường nội đồng Bàu Làng	0,300	-	0,300	-	-	
21.3	***Thôn Tú Thủy 1***								
	Đường từ nhà ông Phạm Văn Hùng đến giáp tỉnh Lộ 669B đến nhà ông Phạm Đình Dương	Nhà ông Phạm Văn Hùng	Nhà ông Phạm Đình Dương	0,450	-	0,450	-	-	
21.4	***Thôn An Thượng 3***								
	Đường từ nhà ông Đinh Tấn Lực đến nhà ông Nguyễn Tiến Phác	Nhà ông Đinh Tấn Lực	Nhà ông Nguyễn Tiến Phác	0,120	-	-	0,120	-	
	Đường từ nhà nhà ông Trần Mãi đến nhà ông Trần Văn Phương	Nhà ông Trần Mãi	Nhà ông Trần Văn Phương	0,100	-	-	0,100	-	
	Đường từ nhà nhà ông Trần Văn Tư đến nhà ông Trần Long	Nhà ông Trần Văn Tư	Nhà ông Trần Long	0,075	-	-	0,075	-	
21.4	***Thôn An Thượng 2***								
	Đường ngõ xóm An Thượng 2 từ nhà ông Nguyễn Thanh Hà đi hồ MDF	Nhà ông Nguyễn Thanh Hà	Nhà ông hồ MDF	0,150	-	0,150	-	-	
22	**XÃ ĐAK ĐOA**			**2,300**	**-**	**2,300**	**-**	**-**	
22.1	***Thôn Tươh Klah***								
	Tuyến đường từ nhà bà Khoan đến nhà ông Djững	Nhà bà Khoan	Nhà ông Djững	0,400	-	0,400	-	-	
	Tuyến đường nhà ông Lĩng đến nhà ông Klônh	Nhà ông Lĩng	Nhà ông Klônh	0,600	-	0,600	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
22.2	***Thôn Bối***								
	Tuyến đường từ nhà ông NHÚP đến nhà ông MYƠNH	Nhà ông NHÚP	Nhà ông MYƠNH	0,217	-	0,217	-	-	
	Tuyến đường vườn ông Blông đến sân bóng thôn Bối	Vườn ông Blông	Sân bóng thôn Bối	0,083	-	0,083	-	-	
22.3	***Thôn Tươh Ktu***								
	Tuyến đường từ nhà ông Angữn đến nhà ông Vang	Ông Angữn	Nhà ông Vang	0,259	-	0,259	-	-	
	Tuyến đường nhà ông Siu đến nhà bà Ameh	Nhà ông Siu	Nhà bà Ameh	0,741	-	0,741	-	-	
23	**XÃ ĐĂK PƠ**			**2,040**	**-**	**2,040**	**-**	**-**	
23.1	Tuyến đường Hoàng Văn Thụ tới cổng nhà ông Nguyễn Văn Túc Thôn 1	Km0	Km0+100m	0,100	-	0,100	-	-	
23.2	Tuyến đường đoạn từ nhà ông Lê Văn Thương đến nhà bà Trần Thị Lài Thôn 3	Km0	Km0+250m	0,250	-	0,250	-	-	
23.3	Tuyến đường Trường Sơn Đông đi ngang qua nhà ông Hứu Văn Giới	Km0	Km0+320	0,320	-	0,320	-	-	
23.4	Tuyến đường đoạn từ đất ông Nguyễn Trung Ngọc đến đất ông Nguyễn Công Thạch thôn 7	Km0	Km0+600m	0,600	-	0,600	-	-	
23.5	Tuyến đường đoạn từ nhà ông Mậu tới nhà ông Hải	Km0	Km0+070m	0,070	-	0,070	-	-	
23.6	Tuyến đường đoạn từ nhà ông Mát đến rẫy dân Làng Krông Hra	Km0	Km0+200m	0,200	-	0,200	-	-	
23.7	Tuyến đường làng Làng Kleo Ktu (4 đoạn)	Km0	Km0+400m	0,400	-	0,400	-	-	
23.8	Tuyến đường đoạn Sân vận đông và đoạn từ nhà bà Vang đến nhà ông Đinh Nếp Làng Bút	Km0	Km0+100m	0,100	-	0,100	-	-	
24	**XÃ ĐAK RONG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
25	**XÃ ĐAK SƠMEI**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
26	**XÃ ĐĂK SONG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
27	**XÃ ĐỨC CƠ**			**2,080**	**1,980**	**0,100**	**-**	**-**	
27.1	***Tổ dân phố 3***								
	Đường Tổ dân phố 3 (Đoạn Siu Blẽh đến nhà ông Mượt	Km00	Km00 + 100	0,100	-	0,100	-	-	
27.2	***Tổ dân phố 4***								
	Đường GT Tổ dân phố 4, tuyến 1	Km00	Km00 + 800	0,800	0,800	-	-	-	
	Đường GT Tổ dân phố 4 (cuối đường Huỳnh Thúc Kháng)	Km00	Km00 + 300	0,300	0,300	-	-	-	
27.3	***Tổ dân phố 7***								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Các nhánh đường GT Tổ dân phố 7 (các tuyến gần nghĩa trang, Trường Kim Đồng)	Km00	Km00 + 800	0,800	0,800	-	-	-	
27.4	***Làng Trol Đeng***								
	Đường GT làng Trol Đeng (Đoạn nhà Ông Vinh-Hương Rừng)	Km00	Km00 + 80	0,080	0,080	-	-	-	
28	**XÃ GÀO**			**13,190**	**13,190**	**-**	**-**	**-**	
28.1	***Thôn Nhao***								
	Từ ông Puih Beng đến cầu Ia Xa	Ông Puih Beng	Cầu Ia Xa	1,800	1,800	-	-	-	
	Từ ông Puih Guang đến ông Rơ Châm Yil	Ông Puih Guang	Ông Rơ Châm Yil	0,350	0,350	-	-	-	
28.2	***Plei O Pếch***								
	Tuyến đường vào nghĩa trang xã Ia Pếch cũ	Từ cổng nghĩa trang	Đến địa phận nghĩa trang xã ia pếch cũ	0,840	0,840	-	-	-	
	Tuyến đường thôn	Từ nhà glet	Đến nghĩa địa plei o pếch	0,120	0,120	-	-	-	
	Tuyến đường thôn	Từ nhà honda ba phiên	Đến nhà siu lan	0,320	0,320	-	-	-	
28.3	***Làng Nang Long – O Sơr***								
	Tuyến đường liên thôn	Từ đường nhựa liên xã (Hộ gia đình Thanh + Sơn)	Nối đường nhựa phía sau nhà văn hoá đường đi Plieu O Giang	0,070	0,070	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ đường nhựa liên xã (bên cạnh hộ gia đình Vinh + Hương quán cà Phê)	Gặp lô cao su Nông trưởng Ia Pếch	0,120	0,120	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ đường nhựa liên xã (cạnh hộ gia đình Linh + Nhung	Gặp đường bê tông tuyến 2 đã đổ	0,020	0,020	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Sau Trường cấp 1 từ đường nhựa liên xã	Đường bê tông cũ	0,080	0,080	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ hộ gia đình nhà Đík	Đến ngã tư thứ 2 đường ngõ xóm	0,300	0,300	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ sau điện gió qua hộ gia đình nhà Tuý	Đến hộ gia đình nhà Tyh	0,300	0,300	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ hộ gia đình nhà Gil	Đến hộ gia đình nhà Kinh	0,150	0,150	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ vườn gia đình ông Siu Hleo	Đến vườn gia đình ông Siu Nel	0,600	0,600	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường liên thôn	Từ vườn gia đình ông Siu Nel	Đến vườn gia đình ông Siu Hyuih	0,500	0,500	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ vườn gia đình ông Siu Buih	Đến vườn gia đình ông Puih Thang	0,150	0,150	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ vườn gia đình ông Siu Vê	Đến vườn gia đình ông Siu Ruih	0,200	0,200	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ vườn gia đình ông Siu Hoan	Đến vườn gia đình ông Puih Sun	0,400	0,400	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ nhà gia đình ông Siu Pom	Đến sân bóng làng Nang Long -O Sơr	0,100	0,100	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ nhà gia đình ông Siu Hui	Đến nhà gia đình ông Hlit	0,150	0,150	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ nhà gia đình ông Rơ Châm Đjim	Đến nước giọt	0,100	0,100	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Làng O Sơ (cũ)	Đến nước giọt	0,700	0,700	-	-	-	
28.4	***Thôn PLEI THOONG***								
	Tuyến đườngliên thôn	Từ ngã tư nhà Trung	Đến ngã ba đường Vũ Lăng	0,500	0,500	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn: Đường bê tông 1 đoạn	Từ rẩy Wit	Đến nhà Ông Rah lan Hlui	1,105	1,105	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ nhà Ông Rơ Châm Nhok	Đến nhà Ông Rơ Rơ Châm Vil	0,620	0,620	-	-	-	
28.5	***Thôn IA KÊNH***								
	Tuyến đường liên thôn: Đường bê tông 4 đoạn	Từ nhà Bà Rơ Lan Bâu Từ nhà Ông Puih Hách Từ nhà Ông Puih Hách Từ nhà Ông Rơ Lan Kih	Đến nhà Ông Kpă Nim Đến đường vũ Lăng Đến nhà Ông kpă Hlí Đến nhà Ông Siu Bất	0,345	0,345	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ nhà Ông Siu Alông	Đến nhà Ông Rơ Mahh Peh	0,600	0,600	-	-	-	
	Tuyến đường liên thôn	Từ đường vũ Lăng Bi da như Thảo	Đến đường Bê tông làng nhao 2 (cũ)	0,200	0,200	-	-	-	
28.6	***Thôn PLEI NHAO***								
	Tuyến đường nội đồng	Từ nhà ông Puih Beng	Đến cầu Ia xa	1,800	1,800	-	-	-	
	Tuyến đường thôn	Từ nhà ông Puih Guang	Đến nhà ông Rơ Châm Yil	0,350	0,350	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
28.7	***Thôn Plei Gao C***					-	-	-	
	Đường ngõ xóm	Từ nhà ông Nguyễn Văn Hào	Rẫy bà Siu Phích	0,300	0,300	-	-	-	
29	**XÃ HRA**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
30	**XÃ IA BĂNG**			**6,910**	**-**	**6,910**	**-**	**-**	
30.1	***Thôn 10***								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Thọ đến nhà ông Phạm Văn Tho	Nhà ông Thọ	Nhà ông Phạm Văn Tho	0,500	-	0,500	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Tiến đến nhà ông Hùng	Nhà ông Tiến	Nhà ông Hùng	0,400	-	0,400	-	-	
30.2	***Thôn Ngơm Thung***								
	BTXM tuyến đường từ nhà SOM đến nhà SÊM	Nhà SOM	Nhà SÊM	0,100	-	0,100	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông YUAN đến nhà ông YÊN	Nhà YUAN	Nhà YÊN	0,120	-	0,120	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà PHAI đến nhà ông CHIE	Nhà PHAI	Nhà CHIE	0,100	-	0,100	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà TRÌNH đến khu vực nhà thờ	Nhà Trình	Khu vực nhà thờ	0,100	-	0,100	-	-	
30.3	***Thôn Châm Bôm***								
	BTXM tuyến đường từ nhà Ayen đến nhà Byip	Nhà AYEN	Nhà BYIP	0,150	-	0,150	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Huin đến nhà ông Bim	Nhà HUIN	Nhà BIM	0,170	-	0,170	-	-	
30.4	***Thôn 5***								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Dũng đến nhà bà Nga	Nhà ông Dũng	Nhà bà Nga	0,120	-	0,120	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Hậu đến đường nối vào đường đi Ia Pết	Nhà ông Hậu	Đường nối vào đường đi Ia Pết	0,150	-	0,150	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Vân đến nhà ông An	Nhà ông Vân	Nhà ông An	0,100	-	0,100	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà PLY nối qua thôn Châm Bôm	Nhà ông PLY	Nối qua thôn Châm Bôm	0,230	-	0,230	-	-	
30.5	***Thôn 6***								
	BTXM tuyến đường từ nghĩa trang đến khu vực cà phê ông Nhiệm	Từ nghĩa trang	Đến khu vực cà phê ông Nhiệm	1,000	-	1,000	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Gẫm đến khu vực cà phê nhà ông Quế	Nhà ông Gẫm	Khu vực cà phê nhà ông Quế	1,000	-	1,000	-	-	
30.6	***Thôn O Ngó***								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	BTXM tuyến đường từ nhà Thế đến nhà ROIH	Nhà ông Thế	Nhà ông ROIH	0,250	-	0,250	-	-	
30.7	***Thôn Brông Thông***								
	BTXM tuyến đường từ nhà SUL đến nhà Hoàng Văn Nhu	Nhà SUL	Nhà Hoàng Văn Nhu	0,100	-	0,100	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà SAI đến nhà SƠIH	Nhà SAI	Nhà SƠIH	0,200	-	0,200	-	-	
30.8	***Thôn Hàm Rồng***								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Tấn đến nhà bà Hường	Nhà ông Tấn	Nhà bà Hường	0,250	-	0,250	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Lý đến nhà ông Tấn	Nhà ông Lý	Nhà ông Tấn	0,170	-	0,170	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Hải đến nhà ông Đinh	Nhà ông Hải	Nhà ông Đinh	0,200	-	0,200	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Tuyên đến nhà Tấn Lan	Nhà ông Tuyên	Nhà Tấn Lan	0,380	-	0,380	-	-	
30.9	***Thôn Broch***								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông HLŨN đến khu vực giọt nước	Nhà ông HLŨN	Giọt nước	0,270	-	0,270	-	-	
30.10	***Thôn Djrông***								
	BTXM tuyến đường từ nhà bà NOANH đến nhà ông UƯT	Nhà bà NOANH	Nhà ông UƯT	0,400	-	0,400	-	-	
30.11	***Thôn Bia Tĩh***								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông PRANH đến nhà ông PHỮNG	Nhà ông PRANH	Nhà ông PHỮNG	0,150	-	0,150	-	-	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông AYAK đến nhà ông LÔP	Nhà ông AYAK	Nhà ông LÔP	0,300	-	0,300	-	-	
31	**XÃ IA BOÒNG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
32	**XÃ IA CHIA**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
33	**XÃ IA DƠK**			**0,980**	**-**	**0,980**	**-**	**-**	
33.1	***Đường giao thông làng Sung Le Kắt***								
	Nhánh 1: Từ nhà bà Rơ Lan H' Blel đến nhà bà Rơ Mah H' Blonh	nhà bà Rơ Lan H' Blel	nhà bà Rơ Mah H' Blonh	0,200	-	0,200	-	-	
	Nhánh 2: Từ nhà bà Ksor H' Tuýt đến Nghĩa địa	nhà bà Ksor H' Tuýt	Nghĩa địa	0,210	-	0,210	-	-	
	Nhánh 3: Từ nhà ông Rơ Châm Amem đến khu sản xuất	nhà ông Rơ Châm Amem	khu sản xuất	0,180	-	0,180	-	-	
	Nhánh 4: Từ nhà ông Rơ Mah Duôn đến khu sản xuất	nhà ông Rơ Mah Duôn	khu sản xuất	0,210	-	0,210	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Nhánh 5: Từ nhà ông Rơ châm Phăng đến nhà bà Rơ Lan H' Pli	nhà ông Rơ châm Phăng	nhà bà Rơ Lan H' Pli	0,180	-	0,180	-	-	
34	**XÃ IA DOM**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
35	**XÃ IA DREH**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
36	**XÃ IA GRAI**			**28,236**	**2,400**	**3,001**	**6,151**	**16,684**	
36.1	***Làng Ngai Yố***								
	Đường trục thôn	Nhà ông Puih Xin	Nhà ông Ksor Duyến	0,500	-	0,500	-	-	
	Đường trục thôn	Đường liên xã	Nghĩa địa	0,200	-	0,200	-	-	
	Đường trục thôn	Nhà ông Đỗ Hồng Mận	Nhà ông Trần Khắc Hà	0,300	-	0,300	-	-	
	Đường trục thôn	Nhà ông Puih Lung	Nhà ông Hiếu	0,200	-	0,200	-	-	
	Đường GT nội dồng	Nhà ông Đỗ Hồng Mận	Nhà ông Puih Klông	0,800	-	-	-	0,800	
36.2	***Làng Út 2***								
	Đường GT ngõ, xóm	Nhà ông Lê Thanh Tâm	Nhà ông Thiều Quang Luận	0,100	-	-	0,100	-	
	Đường GT ngõ, xóm	Nhà ông Trần Văn Lâm	Nhà ông Hoàng Văn Toan	0,150	-	-	0,150	-	
	Đường GT ngõ, xóm	Nhà ông Rơ Châm Íu	Nhà ông Hoàng Minh Tường	0,180	-	-	0,180	-	
36.3	***Thôn 1***								
	Đường GT nội đồng thôn 1	Đường liên xã thôn 1	Giáp hồ C5	1,000	-	-	-	1,000	
	Đường GT ngõ, xóm	Đường liên xã thôn 1	Nhà ông Bùi Đức Quyền	1,200	-	-	1,200	-	
36.4	***Thôn Thắng trạch 1***								
	Đường GT ngõ, xóm	Nhà ông Nguyễn văn Thuần	Nhà ông Vũ Văn Thể	0,150	-	-	0,150	-	
	Đường GT ngõ, xóm	Nhà ông Trần Thanh Phong	Nhà ông Trần Văn Thường	0,100	-	-	0,100	-	
	Đường GT ngõ, xóm	Nhà ông Nguyễn Văn Thật	Nhà ông Nguyễn Đăng Oai	0,100	-	-	0,100	-	
	Đường GT ngõ, xóm	Nhà ông Lê văn Núi	Nhà ông Vũ Đình Hưng	0,140	-	-	0,140	-	
	Đường GT ngõ, xóm	Đường ông Khẩn, ông Núi	Nhà ông Phương, bà Hạnh	0,820	-	-	0,820	-	
	Đường GT nội đồng	Đường nhà ông Lê Đình Hạ	Nhà ông Phạm Văn Thái	0,104	-	-	-	0,104	
36.5	***Thôn Thắng trạch 2***								
	Đường trục thôn	Đướng trục chính tuyến 2	Đướng trục chính tuyến 2	0,750	-	0,750	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường trục thôn	Đướng liên xã	Phạm Đình Hà	0,200	-	0,200	-	-	
	Đường ngõ, xóm	Từ nhà ông Thông	Nhà ông Miền	0,200	-	-	0,200	-	
	Đường ngõ, xóm	Đường chinh thôn	Nhà ông Phạm Văn Hải	0,076	-	-	0,076	-	
	Đường ngõ, xóm	Đường chinh thôn	Nhà ông Thiều Hữu Tác	0,150	-	-	0,150	-	
	Đường ngõ, xóm	Đường chinh thôn	Suối	0,160	-	-	0,160	-	
	Đường ngõ, xóm	Nhà ông Bắc Mai	Nhà bà Hoa	0,240	-	-	0,240	-	
	Đường ngõ, xóm	Đường Liên xã	Nhà ông Quý Hải	1,500	-	-	1,500	-	
	Đường nội đồng	Đường nhựa đi làng Ô rê	Vườn nhà ông Toàn Dung	0,100	-	-	-	0,100	
	Đường nội đồng	Đường nhựa đi làng Ô rê	Vườn nhà ông Toàn Dung	0,100	-	-	-	0,100	
	Đường nội đồng	Đường nhà ông Đỗ Văn Nụ	Vườn nhà ông Trần Văn Sạch	0,240	-	-	-	0,240	
	Đường nội đồng	Đường nhà ông Quyết	Vườn nhà ông Khương	0,300	-	-	-	0,300	
36.7	***Tổ dân phố 6***				-	-	-		
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Đinh Hải Cương	Vườn ông Đinh Xuân Cương	0,500	-	-	-	0,500	
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Phạm Xuân Hãnh	Vườn ông Nguyễn Văn Mỵ	1,200	-	-	-	1,200	
	Đường GT nội đồng	Đập tràng	Đến đất SX qua vườn ông Xinh	1,000	-	-	-	1,000	
	Đường trục thôn	Nhà ông Nguyễn Văn Lương	Nhà ông Huỳnh Văn Tàu	0,140	-	0,140	-	-	
	Đường GT nội đồng	Nhà ông Hoàng Phi Hùng	Nhà ông Võ Văn Quang	0,700	-	-	-	0,700	
	Đường GT nội đồng	Nhà ông Trần Văn Chiên	Nhà bà Lê Thị Lâm	0,450	-	-	-	0,450	
	Đường liên xã	Đại đội bộ binh	Đập tràn	2,400	2,400	-	-	-	
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Phạm Văn Vĩnh	Vườn ông Dương Văn Hoành	0,450	-	-	-	0,450	
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Lê Quang Xuyến	Vườn ông Nguyễn Nhật Huy	0,100	-	-	-	0,100	
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Bùi Văn Minh	Vườn ông Lê Huy Cận	1,600	-	-	-	1,600	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Nguyễn Văn Tiến	Vườn ông Dương Văn Hoành	0,250	-	-	-	0,250	
	Đường GT nội đồng	Vườn bà Vũ Thị Hoa	Vườn bà Trần Thị Mến	1,000	-	-	-	1,000	
	Đường ngõ, xóm	Nhà ông Thuần (Lê Lai)	Nhà ông Đức	0,200	-	-	0,200	-	
36.8	***Tổ dân phố 1***								
	Đường ngõ, xóm	Đường nhựa quy hoạch	Nhà ông Võ Ngọc Thảo	0,130	-	-	0,130	-	
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Võ Ngọc Thảo	Suối	0,200	-	-	-	0,200	
	Đường GT nội đồng	Đường bê tông	Vườn ông Bùi Minh Nghỉ	0,250	-	-	-	0,250	
	Đường GT nội đồng	Nghĩa trang nhân dân	Suối Ia Kha tuyến 1	1,000	-	-	-	1,000	
	Đường GT nội đồng	Nghĩa trang nhân dân	Suối Ia Kha tuyến 2	1,800	-	-	-	1,800	
	Đường GT nội đồng	Đường bê tông	Suối Ia Kha truyến 3	0,250	-	-	-	0,250	
	Đường GT nội đồng	Nghĩa trang nhân dân	Suối Ia Kha tuyến 4	0,350	-	-	-	0,350	
	Đường GT nội đồng	Đường TL664	Suối Ia Kha tuyến 5	0,500	-	-	-	0,500	
	Đường GT nội đồng	Đường bê tông	Vườn ông Bùi Văn Phương	0,360	-	-	-	0,360	
	Đường GT nội đồng	Đường TL664	Vườn ông Nguyễn Duy	0,800	-	-	-	0,800	
	Đường GT nội đồng	Vườn ông Cao Xuân Bình	Vườn ông Nguyễn Hoàng	0,160	-	-	-	0,160	
36.9	***Thôn 2***								
	Đường trục thôn	Nhà ông Hải Lộc	Giáp đường bê tông Ô rê 1	0,270	-	0,270	-	-	
	Đường trục thôn	Đường liên xã	Nhà ông Huệ Thu	0,060	-	0,060	-	-	
	Đường trục thôn	Đường vào giữu hồ đội 8	Giáp thôn 1	0,300	-	0,300	-	-	
36.10	***Tổ dân phố 7***								
	Đường GT nội đồng	Đường Bê tông hiên hữu nhà ôngNhân	Suối Kutoong	0,120	-	-	-	0,120	
	Đường GT nội đồng	Giáp đường nhựa vào trại TN	Giáp hồ Ia Năng	0,880	-	-	-	0,880	
	Đường GT nội đồng	Hẽm 90 Nguyễn Du	Mương Ia Năng cũ	0,120	-	-	-	0,120	
36.11	***Thôn Hợp Thành***								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường ngõ, xóm	Nhà ông Chiến, Ông Lai	Nhà ông Lộc, Ông Thạo	0,555	-	-	0,555	-	
36.12	***Tổ dân phố 3***								
	Đường trục thôn	Nhà ông Trần Văn Chính	Nhà ông Nguyễn Văn Minh	0,081	-	0,081	-	-	
37	**XÃ IA HIAO**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
38	**XÃ IA HRÚ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
39	**XÃ IA HRUNG**			**16,900**	**-**	**16,900**	**-**	**-**	
39.1	Đường thôn 2 xã Ia Hrung (Đoạn từ đường liên huyện đến nhà văn hóa thôn 2)	Đường liên huyện	Nhà văn hóa thôn 2	1,000	-	1,000	-	-	
39.2	Đường nội thôn 1, Ia Hrung(đoạn từ nhà ông hoàng đến nhà ông Hồng, từ nhà ông Phú đến nhà ông Thanh, từ nhà anh Lâm đến nhà anh Tâm, Từ nhà bà Loan đến nhà anh Quang, từ nhà anh Hội đến nhà Hảo Ngọc, từ nhà bà dung đến nhà ông ty)	Nhà ông hoàng đến nhà ông Hồng, từ nhà ông Phú đến nhà ông Thanh, từ nhà anh Lâm	Nhà bà dung đến nhà ông ty	1,650	-	1,650	-	-	
39.3	Đường nội thôn Hợp nhất (Đoạn từ nhà bà Thung đến nhà ông Long)	Nhà bà Thung	Nhà ông Long	1,200	-	1,200	-	-	
39.4	Đường nội thôn Đức Tân (Khu dân cư tổ 5, tổ số 1)	Khu dân cư tổ 5	Tổ số 1	1,000	-	1,000	-	-	
39.5	Đường nội thôn Tân Sao (Đường nghĩa địa Tân Sao; từ nhà ông Huy đến nhà hạnh Liên; Từ ông Lê Đức Ty đến nhà Lê Văn Sỹ)	Nhà ông Huy	Nhà Lê Văn Sỹ	1,400	-	1,400	-	-	
39.6	Đoạn đường nội thôn Chư Hậu 5 (đoạn từ Bùi Tam Phong đến Lê Hữu Kiên; đường xung quanh hội trường thôn)	Từ Bùi Tam Phong	Nhà Lê Hữu Kiên	0,650	-	0,650	-	-	
39.7	Đường nội thôn thanh Hà 1 (đoạn từ ngã ba nhà bà Phạm Thị Thư đến nhà anh Phạm Văn thứ; Từ ngã ba nhà ông Trung đến đoạn đường bê tông thuộc tổ 4)	Đoạn từ ngã ba nhà bà Phạm Thị Thư	Nhà anh Phạm Văn thứ	1,100	-	1,100	-	-	
39.8	Đường nội thôn làng klăh 1 (đoạn từ Puih phuih đến nhà Puih H Punh; Puih Blên đến Puih Hiếu; Ksor HKý đến Puih Dớp; đoạn từ ngã tư tỉnh lộ 664 đến nhà nguyễn văn tường)	Đoạn từ Puih phuih	Nhà nguyễn văn tường	1,100	-	1,100	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
39.9	Đường nội thôn làng Breng 1 (từ nhà ông Ksor Suê đến vườn nhà Puih băn; Từ ksor Alên đến nhà Rơ cơm Jin)	Nhà ông Ksor Suê	Nhà Rơ cơm Jin	1,000	-	1,000	-	-	
39.10	Đường nội thôn Blo Dung (đoạn từ nhà ông Ksor Hưk đến nhà ông Úi; từ nhà ông Puih Xuân đến suối Ia Nga)	Nhà ông Ksor Hưk	Suối Ia Nga	1,000	-	1,000	-	-	
39.11	Đường nội thôn làng Dút 2 (từ hội trường đội 5 công ty cà phê Ia Sao 2 đến nhà trần thị đôi, hẽm đường tránh Hồ Chí Minh đến nhà bà Bùi Hữu thuần; từ nhà Võ Đình Thảo đến nhà Võ Đình hải, Từ nhà Ksor tưng đến nhà ông Rơ châm Hóp; Đoạn từ nhà ông Siu Diôik đến Di Trô)	Hội trường đội 5 công ty cà phê Ia Sao 2	Nhà Di Trô	1,600	-	1,600	-	-	
39.12	Đoạn đường nội thôn làng Blang 2 (Đoạn từ Puih Chuih đến Puih Chun; từ Ksor Phon đến Puih Thái; Puih Sin đến Puih H'bui; Từ Trần bảo Tú đến Puih H' anueh; Từ Ksor hyin đến Puih Ar; từ Puih Bin đến nhà Hồ sỹ Thắng)	Đoạn từ Puih Chuih	Hồ sỹ Thắng	1,500	-	1,500	-	-	
39.13	Đường nội thôn làng Maih (Đoạn từ sân kho đội đến nghĩa địa làng maih, đường xuống ngã ba nhà Puih Hlin đến khu vực ruộng Ia Khók)	Đoạn từ sân kho đội	Khu vực ruộng Ia Khók	0,500	-	0,500	-	-	
39.14	Đường nội Làng đt 1 (Đoạn từ nhà ông Quy đến hội trường thôn 2 cũ; từ nhà ông Bội đến nhà bà Hương)	Đoạn từ nhà ông Quy	Nhà bà Hương	1,200	-	1,200	-	-	
39.15	Đường liên thôn Văn Yên (Đoạn từ thôn Hưng bình qua văn yên đến tân sao; đoạn Tư nhà bà tiến đến nhà Bà Tình)	Đoạn từ thôn Hưng bình	Nhà Bà Tình	1,000	-	1,000	-	-	
40	**XÃ IA KHƯƠL**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
41	**XÃ IA KO**			**5,300**	**3,400**	**1,900**	**-**	**-**	
41.1	***Làng Tol***								
	Đường từ cổng chào làng Tol đến ngã ba làng Sơr, làng Á	Cổng chào làng Tol	Ngã ba làng Sơr, làng Á	1,100	1,100	-	-	-	
	Đường từ nhà sinh hoạt cộng đồng đến cổng chào làng Tol	Nhà sinh hoạt cộng đồng	Cổng chào làng Tol	0,720	-	0,720	-	-	
41.2	***Làng Sur A***								
	Đường từ cổng làng Sur A đến ngã ba làng Vel đi trung tâm xã	Cổng làng Sur A	Ngã ba làng Vel- Sur A	2,300	2,300	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
41.3	***Làng O Grưng***								
	Đường xương cá làng Ogrưng (đoạn nhà Lă)	Đấu nối với đường liên xã (vị trí điểm trường MG Măng Non)	Nhà Kpuih Thuốc và nhà Rơ mah Soan	0,250	-	0,250	-	-	
41.4	***Thôn 4***								
	Đường nội đồng từ vườn ông Đỗ Thành Chuẩn, ông Nguyễn Đức Cảnh đi cầu dân sinh nối với thôn Ia Blang 1 xã Chư Sê (nhánh 1: 500m, nhánh 2: 300m)	Vườn ông Đỗ Thành Chuẩn, ông Nguyễn Đức Cảnh	Cầu dân sinh nối với thôn Ia Blang 1 xã Chư Sê	0,800	-	0,800	-	-	
41.5	***Thôn 3***								
	Đường xương cá đoạn từ nhà ông Hợp đến nhà ông Huỳnh Thế Thảo (thôn 3)	Nhà ông Hợp	Nhà ông Huỳnh Thế Thảo	0,130	-	0,130	-	-	
42	**XÃ IA KRÁI**			**6,900**	**-**	**6,900**	**-**	**-**	
42.1	***Thôn 3***								
	Tuyến đường Nội thôn từ đường tổ 1 đến nhà ông Mạnh Tân	Đường tổ 1	Đến nhà ông Mạnh Tân	0,700	-	0,700	-	-	
	Tuyến đường Nội thôn Từ nhà ông Hoàng Quốc Phùng đến nhà bà Hoàng Thị Điều	Nhà ông Hoàng Quốc Phùng	Nhà bà Hoàng Thị Điều	0,350	-	0,350	-	-	
42.2	***Thôn 4***								
	Tuyến đường Nội thôn từ đường Trục thôn đến nhà ông Vũ Đình Huỳnh	Trục thôn	Nhà ông Vũ Đình Huỳnh	0,030	-	0,030	-	-	
	Tuyến đường Nội thôn từ nhà ông Nguyễn Tiến Ép đến nhà ông Đặng Ngọc Thịnh	Nhà ông Nguyễn Tiến Ép	Nhà ông Đặng Ngọc Thịnh	0,300	-	0,300	-	-	
	Tuyến đường Nội đồng từ Bờ hồ đến vườn ông Nguyễn Văn Thắng	Bờ hồ	Vườn ông Nguyễn Văn Thắng	1,860	-	1,860	-	-	
	Tuyến đường Nội đồng từ nhà ông Trương Minh Lại đến nhà bà Đoàn Thị Thương	Nhà ông Trương Minh Lại	Nhà bà Đoàn Thị Thương	0,110	-	0,110	-	-	
	Tuyến đường Nội đồng Bờ hồ đội 4 đến vườn ông Nguyễn Văn Tiệp	Bờ Hồ đội 4	Vườn ông Nguyễn Văn Tiệp	0,400	-	0,400	-	-	
	Tuyến đường Nội đồng từ nhà ông Phạm Văn Hạnh đến vườn ông Vũ Đức Khanh	Nhà ông Phạm Văn Hạnh	Vườn ông Vũ Đức Khanh	0,200	-	0,200	-	-	
	Tuyến đường Nội đồng từ đường Trục Thôn đến nhà ông Vũ Văn Năm	Đường Trục thôn	Nhà ông Vũ Văn năm	0,250	-	0,250	-	-	
42.3	***Thôn 5***								
	Tuyến đường Nội đồng từ Bờ đập thuỷ lợi đến vườn cao su ông Học	Bờ đập thuỷ lợi	Vườn cao su ông Học	0,550	-	0,550	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường Nội đồng từ vườn ông Vũ Thành Luận đến vườn ông Phan Quang	Từ vườn ông vũ thành luận	Vườn ông Phan Quang	0,400	-	0,400	-	-	
42.4	***Thôn 705***								
	Tuyến đường Trục thôn từ nhà ông Nguyễn Văn Thiệu đến nhà ông Nguyễn Văn Thêm	Nhà ông Nguyễn Văn Thiệu	Nhà ông Nguyễn Văn Thêm	0,250	-	0,250	-	-	
	Tuyến đường Nội đồng nhà ông Vũ Văn Việt đến vườn ông Vũ Văn Khang	Nhà ông Vũ Văn Việt	Vườn ông Vũ Văn Khang	1,500	-	1,500	-	-	
43	**XÃ IA KRÊL**			**0,620**	**-**	**0,620**	**-**	**-**	
	Dự án: Đường giao thông làng Yít Tú (Đường vào bãi rác xã)	Giáp đường BTXM	Giáp bãi rác	0,620	-	0,620	-	-	
44	**XÃ IA LÂU**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
45	**Xã IA LE**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
46	**XÃ IA LY**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
47	**XÃ IA MƠ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
48	**XÃ IA NAN**			**1,190**	**0,750**	**0,440**	**-**	**-**	
48.1	Đường GT nội đồng thôn Ia Kle (Từ đường Quốc lộ 14C đến rẫy ông Đặng Thanh Bình)	Từ đường QL 14C	Rẫy ông Đặng Thanh Bình	0,400	0,400	-	-	-	
48.2	Đường GT nội thôn Ia Chía (Từ nhà ông Thuần mai đến Nhà ông Khương Hữu)	Từ nhà ông Thuần mai	Nhà ông Khương Hữu)	0,440	-	0,440	-	-	
48.3	Đường GT thôn Đức Hưng (Từ nhà ông Phạm Nhật Bộ đến nhà ông Nguyễn Văn Anh và Nguyễn Minh Nhật)	Từ nhà ông Phạm Nhật Bộ	Nhà ông Nguyễn Văn Anh và Nguyễn Minh Nhật	0,350	0,350	-	-	-	
49	**XÃ IA O**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
50	**XÃ IA PA**			**2,700**	**2,700**	**-**	**-**	**-**	
50.1	Đường nội đồng thôn Kim Tân	Giáp đường BTXM hiện trang	Đến trang trại Đức Hoàn Một	1,500	1,500	-	-	-	
50.2	Đường nội đồng thôn Đăk Chá (2 nhánh)	- Nhánh 1: Từ nhà Rmah Kin - Nhánh 2: Từ nhà Siu Gen	Giáp bờ sông Ba	1,200	1,200	-	-	-	
51	**XÃ IA PHÍ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
52	**XÃ IA PIA**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
53	**XÃ IA PNÔN**			**2,000**	**-**	**2,000**	**-**	**-**	
53.1	Đường vào khu sản xuất thôn Chư Bồ 1(Sau di tích chiến thắng Chư Bồ)	Khu di tích	Ông Hạnh	1,200	-	1,200	-	-	
53.2	Đường giao thông làng Chan	Đường liên xã	Cuối khu sản xuất	0,800	-	0,800	-	-	
54	**XÃ IA PÚCH**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
55	**XÃ IA RBOL**			**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
56	**XÃ IA RSAI**			**0,420**	**0,420**	**-**	**-**	**-**	
	Buôn Đoàn Kết								
56.1	***Đường giao thông nông thôn buôn Đoàn kết (Đoạn nhà ông Lập đi khu sản xuất; nhà ông Diện đi khu sản xuất)***								
	Tuyến đường từ nhà ông Lập đi khu sản xuất	Nhà ông Lập	Khu sản xuất	0,205	0,205	-	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Diện đi khu sản xuất	Nhà ông Diện	Khu sản xuất	0,215	0,215	-	-	-	
57	**XÃ IA SAO**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
58	**XÃ IA TÔ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
59	**XÃ IA TUL**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
60	**XÃ KBANG**			**1,000**	**-**	**1,000**	**-**	**-**	
60.1	***Thôn 10 làng Đăk Smar***								
	BTXM Đường đi khu sản xuất (giáp đất ông Lan gần trạm kiểm lâm)	Giáp đường Trường Sơn Đông	Khu sản xuất	1,000	-	1,000	-	-	Đường có địa hình bị chia cắt, phức tạp
61	**XÃ KDANG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
62	**XÃ KON CHIÊNG**			**2,848**	**2,150**	**0,698**	**-**	**-**	
62.1	***Làng Ktu***								
	Tuyến đường thôn ĐT3	Giáp Tỉnh lộ 666	Rẫy nhà ông Chung	0,750	0,750	-	-	-	
	Tuyến đường nội đồng NĐ42	Rẫy nhà ông Chung	Rẫy nhà ông Hiển	0,328	-	0,328	-	-	
62.2	***Làng Git***								
	Tuyến đường nội đồng NĐ40	Đường bê tông liện [illegible]	Rẫy ông Hoàng	0,370	-	0,370	-	-	
62.3	***Làng Klah***								
	Tuyến đường nội đồng NĐ172	Giáp Tỉnh lộ 666	Rẫy nhà ông Bình	1,000	1,000	-	-	-	
	Tuyến đường nội đồng NĐ183	Giáp ranh giới xã Pờ Tó	Suối Pờ Tó	0,400	0,400	-	-	-	
63	**XÃ KON GANG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
64	**XÃ KÔNG BƠ LA**			**0,918**	**-**	**0,778**	**0,030**	**0,110**	
64.1	***Thôn 7***								
	Đường nội đồng từ đường liên xã nhà bà Anh đến đất bà Lưu Thị Thảo, thôn 7, xã Kông Bơ La	Đường liên xã Kông Bơ La đi An khê	Đi khu sản xuất	0,460	-	0,460	-	-	
64.2	***Thôn Nghĩa An 1, thôn 6, thôn 7, thôn 12***								
	Đường từ nhà ông Châu đến hết đất bà Tô Thị Tần, thôn 6, xã Kông Bơ La	nhà ông Châu	Nhà bà Tô Thị Tần	0,115	-	0,115	-	-	
	Đường từ bê tông xi măng đến nhà ông Cao Hùng Khánh, thôn Nghĩa An 1, xã Kông Bơ La	giáp BTXM	NHÀ Cao Hùng Khánh	0,030	-	0,030	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường từ bê tông xi măng đến nhà ông Đinh Văn Hiệp, thôn Nghĩa An 1, xã Kông Bơ La	giáp BTXM	nhà ông Đinh Văn Hiệp	0,030	-	-	0,030	-	
	Đường từ đường vành đai thủy điện An khê- Ka nak đến nhà ông Quảng, thôn 7 xã Kông Bơ La	Đường tránh ngập	nhà ông Quảng	0,085	-	-	-	0,085	
	Đường từ đường liên xã Kông Bơ La- An Khê đến nhà ông Tiến, thôn 7, xã Kông Bơ La	Đường liên xã Kông Bơ La đi An khê	nhà ông Tiến	0,050	-	0,050	-	-	
	Đường nội thôn đoạn nhà ông Lý Phùng, thôn 12, xã Kông Bơ La	giáp BTXM	nhà ông Lý Phùng	0,023	-	0,023	-	-	
	Đường nội thôn đoạn nhà ông Mạnh, thôn 12, xã Kông Bơ La	giáp BTXM	nhà ông Mạnh	0,025	-	-	-	0,025	
	Đường nội thôn đoạn nhà ông Trí Mẫn, thôn 12, xã Kông Bơ La	giáp BTXM	nhà ông Trí Mẫn	0,100	-	0,100	-	-	
65	**XÃ KÔNG CHRO**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
66	**XÃ KRONG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
67	**XÃ LƠ PANG**			**1,000**	**-**	**1,000**	**-**	**-**	
67.1	***Làng Chuk***								
	Đường giao thông nông thôn đi khu sản xuất làng Chuk	Rẫy ông Nhin	Rẫy bà Nguyễn Thị Mỹ Hoàng	1,000	-	1,000	-	-	
68	**XÃ MANG YANG**			**0,460**	**-**	**0,460**	**-**	**-**	
68.1	***Tổ dân phố 1***								
	Đường từ lạc xoong Mỹ Dung đi vào	Nhà ông Khoảnh	Nhà ông Lĩnh	0,200	-	0,200	-	-	
68.2	***Tổ dân phố 2***								
	Đường Trần Thủ Độ	Nhà ông Ánh	Nhà bà Cậy	0,260	-	0,260	-	-	
69	**XÃ PHÚ THIỆN**			**3,500**	**-**	**3,500**	**-**	**-**	
69.1	Đường giao thông nội đồng thôn Ia Ptau, xã Phú Thiện (khu vực cánh đồng trạm bơm Dniu)	Tiếp giáp đường BTXM hiện trạng	Khu sản xuất	1,000	-	1,000	-	-	
69.2	Đường giao thông nội đồng thôn Ia Ptau, xã Phú Thiện (đoạn giáp đường ĐT662B đi khu sản xuất)	Đường tỉnh 662B	Khu sản xuất	2,500	-	2,500	-	-	
70	**XÃ PHÚ TÚC**			**1,500**	**-**	**1,500**	**-**	**-**	
70.1	Đường vào khu sản xuất cánh đồng buôn Tang (đoạn từ nhà ông Oi Chang ra sông Ba)	Nhà ông Ơi Chang	Sông Ba	0,900	-	0,900	-	-	
70.2	Đường bê tông nông thôn buôn Dù (từ đầu đất ông Tuyến tới cuối đất ông Lai)	Ông Tuyến	Ông Lai	0,600	-	0,600	-	-	
71	**XÃ PỜ TÓ**			**2,500**	**2,500**	**-**	**-**	**-**	
71.1	Đường nội đồng thôn Bi Giông, xã Pờ Tó	Cuối thôn Bi Gia	Đến Trang trại Thảo Nguyên Vàng	2,500	2,500	-	-	-	
72	**XÃ SƠN LANG**			**1,360**	**-**	**1,360**	**-**	**-**	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
72.1	***Đường nội Thôn 2, thôn 4***								
	Tuyến 1: Từ nhà Mạnh Ngọc đến đường nội thôn 4	Nhà Mạnh Ngọc	Giáp đường nội thôn 4	0,490	-	0,490	-	-	
	Tuyến 2: Từ đường liên xã đến nhà Ông Lai	Ngã ba đường liên xã	Nhà Ông Lai	0,200	-	0,200	-	-	
	Tuyến 3: Từ nhà bà Choẹt đến Nhà Thiết Lơ	Nhà bà Choẹt	Nhà Thiết Lơ	0,250	-	0,250	-	-	
72.2	***Đường nội Thôn 1, thôn 3***								
	Tuyến 1: Từ điểm Trường Mẫu Giáo đến nhà bà Đào	Trường Mẫu Giáo	Nhà bà Đào	0,300	-	0,300	-	-	
	Tuyến 2: Từ nhà bà Son đến nhà Hạnh Huệ	Nhà bà Son	Nhà Hạnh Huệ	0,120	-	0,120	-	-	
73	**XÃ SRÓ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
74	**XÃ TƠ TUNG**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
75	**XÃ UAR**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
76	**XÃ YA HỘI**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
77	**XÃ YA MA**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**Không đăng ký**
TỔNG CỘNG				**150,991**	**37,077**	**89,614**	**7,506**	**16,794**	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài hỗ trợ		**150,991**
- Đường GTNT loại A:		37,077
- Đường GTNT loại B:		89,614
- Đường GTNT loại C:		7,506
- Đường GTNT loại D:		16,794
2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:		**23.090,202**
- Đường GTNT loại A:	198	7.341,246
- Đường GTNT loại B:	153	13.710,942
- Đường GTNT loại C:	97	728,082
- Đường GTNT loại D:	78	1.309,932